

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/KDTM-PT

Ngày 25-5-2021

V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Trí Dũng

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Đức Cường

Ông Huỳnh Văn Luật

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Mỹ Dung – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:** Bà Ngô Kim Duyên – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 20/2020/TLPT-KDTM ngày 19 tháng 4 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 01/02/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2021/QĐPT-KDTM ngày 05 tháng 05 năm 2021, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Công ty TNHH MTV PH; trụ sở: khu phố 6, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông H, sinh năm 1956, chức vụ: Chủ tịch kiêm giám đốc, là đại diện theo pháp luật, có mặt.

*Bị đơn:* Công ty CP BD; trụ sở: Đại lộ Bình Dương, khu phố H, phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

*Người đại diện hợp pháp:* Ông B, sinh năm 1993; chỗ ở hiện nay: 031 lô B, cư xá T, Phường 27, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (theo Giấy ủy quyền ngày 14/10/2020), có mặt.

*Người kháng cáo:* Công ty TNHH MTV PH.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện hợp pháp nguyên đơn – ông H trình bày:*

Nguyên đơn và bị đơn ký Hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ số 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, phụ lục Hợp đồng số 01-12/PLHĐBV/19 ngày 27/12/2019 và Hợp đồng số 15/HĐBV/19 ngày 02/01/2019. Nội dung hợp đồng là bị đơn bảo vệ an ninh trật tự và tài sản đã được bàn giao tại mỏ đá Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và mỏ đá Tân Mỹ tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Thực tế thì giữa nguyên đơn, bị đơn đã giao kết và thực hiện các hợp đồng từ năm 2007 nhưng hàng năm hai bên có tiến hành ký kết lại hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Chi phí thực hiện Hợp đồng 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, phụ lục Hợp đồng số 01-12/PLHĐBV/19 ngày 27/12/2019 là 36.432.000 đồng bao gồm thuế giá trị gia tăng. Chi phí thực hiện Hợp đồng 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, phụ lục Hợp đồng số 15/HĐBV/19 ngày 02/01/2019 là 9.099.000 đồng bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Đối với Hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ số 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, phụ lục Hợp đồng số 01-12/PLHĐBV/19 vị trí bảo vệ gồm 04 vị trí: Dưới hầm đá 03 vị trí, 01 vị trí trên văn phòng tại mỏ đá Tân Đông Hiệp.

Đối với Hợp đồng số 15/HĐBV/19 ngày 02/01/2019 vị trí bảo vệ là 02: 01 vị trí tại máy xay bãi chế biến, văn phòng làm việc, trạm cân, khu nhà ở công nhân và 01 vị trí tại bên thủy nội địa Tân Mỹ, nhà cửa, xe máy, thiết bị băng tải xuống hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tại mỏ đá Tân Đông Hiệp vào sáng ngày 24/6/2020 nguyên đơn nhận được thông tin từ phía bị đơn cung cấp bị đơn bị mất trộm 12 hộp điện của xe xúc, xe đào, xe bới của nguyên đơn. Ngày 25/6/2020 nguyên đơn và bị đơn cùng làm việc với cơ quan công an nhưng đến nay vẫn chưa xác định có sự việc mất trộm tài sản như phía bị đơn cung cấp.

Vì tính chất ca trực của nguyên đơn chỉ ½ ngày, thời gian còn lại do phía bị đơn tự quản lý tài sản. Nên từ năm 2007 đến khi hai bên chấm dứt hợp đồng thì nhiều lần nguyên đơn yêu cầu bị đơn hàng ngày trước khi vào ca bảo vệ thì bị đơn phải tiến hành bàn giao tài sản dưới hầm đá Tân Đông Hiệp để nguyên đơn kiểm kê tài sản nhưng bị đơn không tiến hành giao nhận tài sản. Vì vậy nguyên đơn căn cứ vào khoản 2 Điều VIII của Hợp đồng số 12HĐBV/19 ngày 02/01/2019 quy định *“Bên A không thực hiện đầy đủ, không kịp thời thông báo bằng văn bản đề nghị hợp lý liên quan đến công tác nhằm đảm bảo các yêu cầu thiết yếu cho công tác bảo vệ an toàn tài sản của bên A trong mục tiêu”* để đơn phương chấm dứt hợp đồng với bị đơn. Ngoài ra do bị đơn không tiến hành bàn giao tài sản đúng quy định nên khi xảy ra sự việc mất trộm tài sản mặc dù cơ quan điều tra chưa tìm được đối tượng nhưng nguyên đơn xét thấy việc tiếp tục thực hiện hợp đồng sẽ ảnh hưởng đến uy tín và trách nhiệm của nguyên đơn vì vậy ngày 10/7/2020 nguyên đơn chấm dứt Hợp đồng số 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, Phụ lục hợp đồng số 01-12/PLHĐBV/19 ngày 27/12/2019 và Hợp đồng số 15/HĐBV/19 ngày 02/01/2019.

Ngày 10/7/2020 nguyên đơn rút toàn bộ lực lượng bảo vệ tại mỏ đá Tân Đông Hiệp và mỏ đá Tân Mỹ như đã thông báo cho bị đơn, vì vậy nguyên đơn vẫn giữ

nguyên yêu cầu khởi kiện bổ sung ngày 07/01/2020, yêu cầu chấm dứt Hợp đồng 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, Phụ lục hợp đồng số 01-12/PLHĐBV/19 ngày 27/12/2019 và Hợp đồng số 15/HĐBV/19 ngày 02/01/2019 kể từ ngày 10/7/2020.

Do nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng đúng quy định nên không đồng ý đối với yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bị đơn trả tiền dịch vụ bảo vệ tháng 6 và 10 ngày tháng 7/2020 với số tiền 58.940.200 đồng cho bị đơn và chấm dứt hợp đồng dịch vụ kể từ ngày 10/7/2020. Thời hạn thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

*Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: 04 bản pho to copy hóa đơn giá trị gia tăng; bản chứng thực giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; 02 bản pho to copy biên bản đối chiếu công nợ phải trả; 01 bản pho to copy công văn số 02-QĐ/TN; bản pho to copy sổ bàn giao tài sản; bản pho to copy công văn số 97/2020/KS ngày 06/7/2020; bản pho to copy công văn số 97/2020 ngày 09/7/2020; công văn số 10/CV-PH ngày 24/6/2020; 02 bản pho to copy Hợp đồng 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, Phụ lục hợp đồng số 01-12/PLHĐBV/19 ngày 27/12/2019 và Hợp đồng số 15/HĐBV/19 ngày 02/01/2019 từ ngày 10/7/2020. Tài liệu đã được đối chiếu bản chính theo quy định.*

*Theo các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa đại diện hợp pháp bị đơn – ông B trình bày:*

Thông nhất theo lời trình bày của nguyên đơn về thời gian, điều kiện, quá trình thực hiện và phí thực hiện Hợp đồng 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, Phụ lục hợp đồng số 01-12/PLHĐBV/19 ngày 27/12/2019 và Hợp đồng số 15/HĐBV/19 ngày 02/01/2019 và ngày 10/7/2020 bị đơn không thực hiện dịch vụ bảo vệ. Bị đơn đồng ý thanh toán phí dịch vụ bảo vệ tháng 6 và 10 ngày tháng 7/2020 cho nguyên đơn 58.940.200 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn thay đổi yêu cầu phản tố chỉ yêu cầu nguyên đơn bồi thường 33.120.000 đồng do đơn phương chấm dứt Hợp đồng số 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019 trái thỏa thuận. Ngày 24/6/2020 bị đơn nhận được công văn số 10/CV ngày 24/6/2020 của nguyên đơn gửi có nội dung nguyên đơn chấm dứt hợp đồng với lý do: Bị đơn không tăng phí dịch vụ bảo vệ, hầm đá quá sâu, rộng nên nhân viên bảo vệ không đảm đương công việc. Ngày 06/7/2020, bị đơn phản hồi không đồng ý chấm dứt hợp đồng, trường hợp đồng ý chấm dứt hợp đồng phải đi kèm các điều kiện, nhưng nguyên đơn không thực hiện các điều kiện của bị đơn nên các hợp đồng chưa chấm dứt. Vì vậy bị đơn căn cứ khoản 3 Điều 8 quy định “*Trong thời hạn hiệu lực của hợp đồng này, nếu một trong hai bên muốn đơn phương chấm dứt hợp đồng phải thông báo bằng văn bản cho bên kia biết trước 30 ngày*”. Do đó nguyên đơn chấm dứt hợp đồng trái thỏa thuận thì căn cứ khoản 4 điều 8 Hợp đồng số 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019 quy định nếu bên nào đơn phương sai thì phải chịu 01 khoản phí tương đương 01 tháng thực hiện hợp đồng 32.120.000 đồng.

Bị đơn tự nguyện không yêu cầu phản tố đối với hành vi đơn phương chấm dứt Hợp đồng số 15/HĐBV/19 ngày 02/01/2019. Trong quá trình tố tụng nguyên đơn cung cấp 02 biên bản đối chiếu công nợ phí dịch vụ tháng 6 và 10 ngày tháng 7/2020, mặc dù 02 biên bản đối chiếu công nợ này không do người đại diện của Công ty Khoáng sản ký nhưng bị đơn luôn có thiện chí muốn trả phí dịch vụ còn thiếu cho nguyên đơn. Vì vậy bị đơn đồng ý nội dung của 02 biên bản đối chiếu công nợ mà nguyên đơn cung cấp.

Tại phiên tòa đại diện bị đơn đồng ý thanh toán phí dịch vụ bảo vệ tháng 6 và 10 ngày tháng 7 đối với 02 Hợp đồng 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, Phụ lục hợp đồng số 01-12/PLHĐBV/19 ngày 27/12/2019 và Hợp đồng số 15/HĐBV/19 ngày 02/01/2019 là 58.940.200 đồng. Trường hợp Hội đồng xét xử chấp nhận phản tố của bị đơn thì bị đơn tự nguyện chấm dứt các hợp đồng nêu trên.

Bản án sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 01-02-2021, Tòa án nhân dân thành phố Thuận An đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV PH về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Buộc Công ty CP BD phải thanh toán cho của Công ty TNHH MTV PH số tiền 58.940.200 đồng (Năm mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi ngàn, hai trăm đồng).

Chấm dứt hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ số 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, phụ lục hợp đồng số 01-12/PLHĐBV/19 ngày 27/12/2019 và hợp đồng số 15/HĐBV/19 ngày 02/01/2019 kể từ ngày 10/7/2020.

2. Chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty CP BD đối với Công ty TNHH MTV PH.

Buộc Công ty TNHH MTV PH phải thanh toán cho Công ty CP BD số tiền 33.120.000 đồng (Ba mươi ba triệu, một trăm hai mươi ngàn đồng).

Ngày 03/02/2021, nguyên đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm đề nghị bác yêu cầu buộc bồi thường 33.120.000 đồng do đơn phương chấm dứt Hợp đồng số 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, Phụ lục hợp đồng số 01-12/PLHĐBV/19 ngày 27/12/2019.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của đại diện nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Ý kiến của đại diện bị đơn: Không chấp nhận kháng cáo, đề nghị giữ y án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

- Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Ngày 10/7/2020, bị đơn chấm dứt hợp đồng số 12/HĐ, phụ lục hợp đồng số 01-12/PL và chấm dứt luôn hợp đồng số 15/HĐ, mặc dù trong thông báo số 10/CV-PH ngày 24/6/2020 không liên quan đến hợp đồng số 15/HĐ nên có căn cứ xác định ngày 24/6/2020 nguyên đơn thông báo đơn phương chấm dứt hợp đồng.

Nguyên đơn vi phạm thời gian báo trước 14 ngày nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bồi thường 30 ngày là không phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn, sửa bản án sơ thẩm buộc nguyên đơn bồi thường 14 ngày (là 15.456.000 đồng) do đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm,

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Ngày 03/02/2021, nguyên đơn có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 01-02-2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An. Vì vậy, đơn kháng cáo của nguyên đơn là hợp lệ và trong thời hạn luật định.

[2] Nguyên đơn và bị đơn thống nhất việc chấm dứt Hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ số 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, Phụ lục hợp đồng số 01-12/PLHĐBV/19 ngày 27/12/2019 và Hợp đồng số 15/HĐBV/19 ngày 02/01/2019 kể từ ngày 10/7/2020.

Bị đơn đồng ý thanh toán phí dịch vụ bảo vệ tháng 6 và 10 ngày tháng 7 đối với 02 Hợp đồng 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, Phụ lục hợp đồng số 01-12/PLHĐBV/19 ngày 27/12/2019 và Hợp đồng số 15/HĐBV/19 ngày 02/01/2019 là 58.940.200 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn không kháng cáo các phần nêu trên của bản án sơ thẩm nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại Điều 282 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định vẫn tiếp tục chịu trách nhiệm về việc mất tài sản tại mỏ đá Tân Đông Hiệp cho đến khi có kết luận cuối cùng của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, ý kiến của nguyên đơn là phù hợp nội dung thỏa thuận tại khoản 2 Điều III Hợp đồng 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019. Vì vậy, phần trách nhiệm bảo vệ liên quan đến việc mất tài sản tại mỏ đá Tân Đông Hiệp sẽ được giải quyết tại vụ án khác khi các bên có phát sinh tranh chấp theo quy định.

[3] Nguyên đơn kháng cáo phần bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn buộc nguyên đơn bồi thường 33.120.000 đồng do đơn phương chấm dứt Hợp đồng số 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, Phụ lục hợp đồng số 01-12/PLHĐBV/19 ngày 27/12/2019 - đây là phạm vi xét xử phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Xét ngày 24/6/2020, nguyên đơn gửi cho bị đơn Văn bản số 10/CV-PH thông báo tạm dừng Hợp đồng số 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, Phụ lục hợp đồng số 01-12/PLHĐBV/19 vào ngày 10/07/2020, bàn giao mục tiêu mỏ đá Tân Đông Hiệp vào ngày 10/07/2020 với lý do bị đơn không tăng phí dịch vụ bảo vệ và do tình hình hầm quá sâu và quá rộng nên nhân viên của nguyên đơn không thể đảm đương được công việc, đề nghị Ban giám đốc của bị đơn xem xét giải quyết. Ngày 06/7/2020, bị đơn có Văn bản số 97/2020/KS phúc đáp Văn bản số 10/CV-PH với nội dung: *“Không đồng ý đề nghị của nguyên đơn về việc thanh lý Hợp đồng số 12/HĐBV/19, Phụ lục hợp đồng số 01-12/PLHĐBV/19 tuy nhiên lực lượng bảo vệ sẽ bàn giao mục tiêu kể từ ngày 10/7/2020. Hợp đồng đã ký giữa hai bên vẫn còn hiệu lực cho đến khi có kết luận cuối cùng của Cơ quan công an về vụ trộm đêm ngày 24/6/2020. Trường hợp nguyên đơn vẫn muốn thanh lý thì nộp số tiền tương đương tài sản bị mất trộm 310.000.000 đồng, sau khi có kết luận cuối cùng của Cơ quan công an thì hai bên sẽ giải quyết số tiền này”*. Xét nội dung Văn bản số 97/2020/KS, bị đơn đã thống nhất việc bàn giao mục tiêu bảo vệ kể từ ngày 10/7/2020 theo đề xuất của nguyên đơn tại Văn bản số 10/CV-PH. Tòa án cấp sơ thẩm nhận định nguyên đơn đơn phương chấm dứt hợp đồng này là không có cơ sở vì nguyên đơn không thể tiếp tục hợp đồng bảo vệ khi hai bên đã thống nhất thời hạn hoàn thành dịch vụ bảo vệ, cụ thể là thống nhất việc nguyên đơn bàn giao mục tiêu bảo vệ lại cho bị đơn kể từ ngày 10/7/2020.

[4] Nội dung Văn bản số 97/2020/KS, bị đơn xác định sẽ không thanh toán phí dịch vụ bảo vệ của nguyên đơn tại hai mỏ đá Tân Đông Hiệp và Tân Mỹ kể từ tháng 6/2020 cho đến khi có kết kết luận cuối cùng của Cơ quan công an. Theo khoản 2 Điều VIII Hợp đồng 12/HĐBV/19 quy định nguyên đơn có quyền ngay lập tức tạm dừng thực hiện, hủy bỏ một phần hoặc toàn bộ trách nhiệm của mình theo hợp đồng nếu bị đơn không thanh toán đúng hạn và đầy đủ chi phí dịch vụ bảo vệ mà bên B đã thực hiện từ một tháng trở lên. Vì vậy, trước khi bàn giao mục tiêu ngày 10/7/2020 thì nguyên đơn có Văn bản số 16/CV-PH ngày 09/7/2020 thông báo rút lực lượng bảo vệ và tạm dừng hợp đồng từ ngày 10/7/2020 do bị đơn thông báo không tiếp tục trả phí cho nguyên đơn là phù hợp với thỏa thuận của các bên trong hợp đồng. Thực tế cho đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán phí dịch vụ bảo vệ tháng 6 và 10 ngày tháng 7 đối với 02 Hợp đồng 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, Phụ lục hợp đồng số 01-12/PLHĐBV/19 ngày 27/12/2019 và Hợp đồng số 15/HĐBV/19 ngày 02/01/2019 với số tiền là 58.940.200 đồng. Sau thời điểm hai bên thống nhất bàn giao mục tiêu bảo vệ ngày 10/7/2020 thì bị đơn cũng không có văn bản nào thông báo yêu cầu nguyên đơn phải tiếp tục thực hiện hợp đồng bảo vệ tài sản cho bị đơn.

[5] Đối với việc nguyên đơn chấm dứt hợp đồng số 15/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, bị đơn không kháng cáo, không thuộc phạm vi xét xử phúc thẩm nên đây không phải là căn cứ để chứng minh nguyên đơn đơn phương chấm dứt Hợp đồng số 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, Phụ lục hợp đồng số 01-12/PLHĐBV/19 ngày 27/12/2019.

[6] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận, ý kiến của đại diện bị đơn không phù hợp với chứng cứ trong vụ án nên không có cơ sở chấp nhận. Quan điểm đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là chưa phù hợp nên không có căn cứ chấp nhận.

Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Nguyên đơn kháng cáo không phải chịu án phí do sửa án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 148, Điều 282, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 3, 513, 514, 516, 517 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Điều 74, 82, 86, 87 của Luật Thương mại;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Phần Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết hạn kháng cáo, kháng nghị như sau:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV PH về việc tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

- Buộc Công ty CP BD phải thanh toán cho của Công ty TNHH MTV PH số tiền 58.940.200 đồng (Năm mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi ngàn, hai trăm đồng).

- Chấm dứt Hợp đồng cung ứng dịch vụ bảo vệ số 12/HĐBV/19 ngày 02/01/2019, Phụ lục hợp đồng số 01-12/PLHĐBV/19 ngày 27/12/2019 và Hợp đồng số 15/HĐBV/19 ngày 02/01/2019 kể từ ngày 10/7/2020.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, nếu người phải thi hành án không thanh toán số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH MTV PH.

Sửa phần còn lại của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 02/2021/KDTM-ST ngày 01 tháng 02 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An như sau:

2.1. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty CP BD về việc buộc Công ty TNHH MTV PH bồi thường số tiền 33.120.000 đồng.

2.2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn Công ty TNHH MTV PH không phải chịu, Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thuận An hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.773.505 (một triệu bảy trăm bảy mươi ba ngàn năm trăm lẻ năm) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0047369 ngày 05/10/2020 và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai số 0053499 ngày 07/01/2021.

Bị đơn Công ty CP BD phải chịu 9.000.000 đồng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0053371 ngày 16/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Công ty CP BD còn phải nộp thêm 6.000.000 (sáu triệu) đồng.

3. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An hoàn trả lại cho Công ty TNHH MTV PH số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0053969, ngày 07/4/2021.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- C.C THADS TP. Thuận An;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Trí Dũng**